

Số: 435 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 06 tháng 7 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **Sơ kết công tác ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018**

#### **Phần 1**

#### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

Sáu tháng đầu năm 2018, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh có những thuận lợi, khó khăn đan xen. Về sản xuất, tình hình nắng nóng và giá cả đầu ra một số sản phẩm (heo hơi, dừa khô, tôm nuôi các loại, mía nguyên liệu và một số loại rau màu) xuống thấp gây ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, hạn mặn không gây áp lực, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi không phát sinh, cùng với việc triển khai áp dụng khoa học kỹ thuật trong canh tác, sản xuất ngày càng rộng rãi và nỗ lực, phấn đấu vượt khó của nông dân trong tỉnh nên năng suất, sản lượng của hầu hết các loại cây trồng, vật nuôi đều gia tăng.

Về xây dựng nông thôn mới và các công tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ; các ngành, các cấp trong tỉnh tích cực phối hợp, hỗ trợ; cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn ngành và hưởng ứng, tham gia nhiệt tình của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh nên các nhiệm vụ đều cơ bản hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

Kết quả chung về triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 6 tháng đầu năm 2018, cụ thể như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH CHUNG**

##### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành**

Tham mưu Ban cán sự UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành 01 kế hoạch<sup>(1)</sup>; xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh<sup>(2)</sup>.

Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 07 kế hoạch, 01 phương án và 01 đề án<sup>(3)</sup>; đang trình phê duyệt 01 kế hoạch và 01 đề án<sup>(4)</sup>; đồng thời đang hoàn chỉnh để trình phê duyệt 01 đề án<sup>(5)</sup>.

<sup>(1)</sup> Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 10/5/2018 của Tỉnh ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X).

<sup>(2)</sup> Nghị quyết ban hành chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm.

<sup>(3)</sup> Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 13/3/2018 thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 12/4/2018 triển khai thực hiện Kế hoạch số 75-KH/TU của Tỉnh ủy tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 19/4/2018 thực hiện Đề án "Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểm mới tại vùng ĐBSCL"; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 07/6/2018 Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 18/6/2018 Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch hành động phát triển ngành hàng tôm đến năm 2025 ban hành tại Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 27/4/2018; Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2018 phê duyệt tại Quyết định số 986/QĐ-UBND

Tham mưu tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương VII khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; báo cáo 05 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Ban hành 31 Kế hoạch, 07 hướng dẫn quy trình kỹ thuật và 643 văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành. Chỉ đạo đơn vị chuyên môn tham mưu xây dựng chính sách và định mức kinh tế, kỹ thuật về khuyến nông để thực hiện Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Kịp thời sơ, tổng kết các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân chỉ đạo.

**2. Về sản xuất:** Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2018 (giá so sánh 2010) ước đạt 11.069 tỷ đồng, đạt 42,57% kế hoạch (cùng kỳ đạt 40%), tăng 8,83% so cùng kỳ, trong đó:

- Nông nghiệp: 7.780 tỷ đồng, đạt 45,38% KH, tăng 7,91%.
- Lâm nghiệp: 163 tỷ đồng, đạt 53,55% KH, giảm 3,68%.
- Thủy sản: 3.126 tỷ đồng, đạt 36,56% kế hoạch, tăng 11,96%.

Kết quả về tình hình sản xuất các lĩnh vực cụ thể như sau:

**a) Trồng trọt:**

Diện tích gieo trồng cây hàng năm 181.024 ha, đạt 66,5% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 9.733 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Gieo sạ 145.115 ha, đạt 67% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 8.841 ha; đã thu hoạch dứt điểm vụ Mùa và Đông Xuân 68.115 ha, năng suất trung bình 6,65 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,81 tấn/ha; sản lượng 453.010 tấn, tăng 84.800 tấn (vụ mùa 1.697 ha, sản lượng 7.353 tấn; vụ Đông Xuân 66.418 ha, sản lượng 445.658 tấn, duy trì được 14 mô hình liên kết đầu vào diện tích 3.600 ha, năng suất trung bình 7 tấn/ha, cao hơn ngoài mô hình 0,3 tấn/ha). Giá lúa ổn định và duy trì ở mức cao, điều kiện thời tiết thuận lợi cho sản xuất nên diện tích lúa Đông Xuân được mở rộng và tăng hơn cùng kỳ 6.503 ha, năng suất tăng 0,81 tấn/ha. Vụ Hè Thu xuống giống 75.557 ha, đạt 98,13% kế hoạch, chưa thu hoạch.

+ Xây dựng 6 điểm mô hình phòng, chống hạn mặn, diện tích 03 ha trên địa bàn các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Ngang, Cầu Kè, Duyên Hải, hiện lúa đang trong giai đoạn mạ đến đẻ nhánh, phát triển bình thường.

+ Diện tích nhiễm sâu bệnh là 4.398 ha (giảm 5.374 ha so cùng kỳ), các đối tượng gây hại chủ yếu là cháy bìa lá, đạo ôn lá, lem lép hạt, rầy nâu, sâu cuốn lá,... cục bộ có 340 ha cháy bìa lá gây hại ở mức độ trung bình, diện tích còn lại gây hại nhẹ.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 35.909 ha, đạt 64,82% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 892 ha, cụ thể: Màu lương thực 4.074 ha, màu thực phẩm 18.088 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.747 ha. Xây dựng 02 mô hình liên kết, tiêu thụ sản phẩm trên cây đậu

---

ngày 23/5/2018; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai phê duyệt tại Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 23/5/2018; Đề án phát triển ngành nghề nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 26/4/2018.

<sup>(4)</sup> Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển thủy sản bền vững; Đề án phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm

<sup>(5)</sup> Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

phộng và cây ốt, diện tích 60 ha (đậu phộng 45 ha). Do nhà máy đường nâng cấp, sửa chữa, đưa vào hoạt động trễ hơn so với cùng kỳ khoảng 02 tháng, hoạt động chưa hết công suất và không ổn định, thêm vào đó đầu vụ thiếu nhân công thu hoạch, mía chín đồng loạt và việc thu mua chậm dẫn đến giảm năng suất.

- Cây lâu năm: Trồng mới 397 ha, nâng diện tích cây lâu năm 39.539 ha, trong đó vườn cây ăn trái 17.924 ha, sản lượng thu hoạch 135.427 tấn, đạt 52% kế hoạch; cây dứa 21.615 ha, sản lượng 124.286 tấn, đạt 51,2% kế hoạch. Xây dựng 03 mô hình phòng trừ dịch hại tổng hợp trên cây cam sành, diện tích 0,9 ha. Tuy nhiên, xuất hiện sâu đục trái trên cây có múi 119 ha, tỉ lệ 5-15%; bọ cánh cứng hại dứa 3.202 ha (2.203 ha nhiễm nhẹ, 999 ha nhiễm trung bình); 890 ha nhãn bệnh chổi rồng, tỉ lệ nhiễm bệnh phổ biến từ 10-20%; 99 ha thanh long bị bệnh đốm nâu tỉ lệ 1-5%. Cơ quan chuyên môn đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn nông dân biện pháp phòng trừ.

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, 6 tháng đầu năm có 893 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm kết hợp nuôi thủy sản, trong đó: Chuyển sang trồng cây ngắn ngày 601 ha, chuyển sang trồng cây ăn trái 89 ha, trồng dứa 28 ha, chuyển sang kết hợp nuôi thủy sản 35 ha và chuyển sang chuyên nuôi thủy sản 140 ha.

#### **b) Chăn nuôi:**

Chăn nuôi heo trong quý I gặp khó khăn do giá thấp, người nuôi bị thua lỗ nên chủ động giảm đàn hoặc ngừng nuôi dẫn đến tổng đàn giảm mạnh, đến quý II giá heo hơi tăng trở lại và đột biến từ 28.000 - 30.000 đồng/kg lên 44.000 đồng/kg. Bên cạnh đó, mô hình nuôi heo phòng lạnh khép kín tại huyện Châu Thành do cúp điện, thiếu không khí làm cho 377 con heo 5 tháng tuổi chết (tổng đàn 1.300 con). Chăn nuôi bò và gia cầm phát triển khá do có thị trường tiêu thụ, giá cả tương đối ổn định, người chăn nuôi có lãi nên lượng tái đàn khá. Theo kết quả điều tra đến ngày 01/4/2018: Đàn heo 261.405 con, giảm 106.921 con so cùng kỳ; đàn trâu, bò 208.657 con, tăng 8.283 con; đàn gia cầm 4,8 triệu con, tăng 556.891 con (chủ yếu là tăng đàn gà); sản lượng thịt hơi các loại khoảng 39,8 ngàn tấn, đạt 49,7% kế hoạch.

Phát hiện 38 con bò nghi bệnh lở mồm long móng (LMLM) tại 12 hộ chăn nuôi của huyện Cầu Kè, Càng Long và Tiểu Cần. Đơn vị chuyên môn phối hợp với địa phương tập trung thực hiện các biện pháp xử lý và không để lây lan sang diện rộng. Phát hiện 02 trường hợp chó dại tại huyện Châu Thành và Cầu Kè, ngành đã phối hợp với địa phương theo dõi và triển khai thực hiện các biện pháp nên tạm thời không chế không để lây lan ra diện rộng.

#### **c) Lâm nghiệp:**

Chuẩn bị cây giống phục vụ trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch; thực hiện chăm sóc 713 ha rừng, khoán bảo vệ 5.160 ha; vệ sinh phòng cháy rừng được 259 ha, đạt 100% kế hoạch; thực hiện 515 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 07 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định; xác nhận 22 bảng kê lâm sản và cấp 11 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Vận động 75 hộ dân sống tiếp giáp với rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn.

Giám sát hộ nhận khoán tận thu rừng phi lao bị sạt lở do triều cường, gió bão, diện tích 1,1 ha, khối lượng gỗ tận thu 67 m<sup>3</sup>.

Đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông xã Định An, huyện Trà Cú; Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu; xây dựng định mức gieo ươm, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật một số loài cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**d) Thủy sản:** Sản lượng thu hoạch 75.073 tấn, đạt 37,2% kế hoạch, tăng 4.580 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

Thả nuôi 4,3 tỷ con giống, diện tích 27.095 ha, thu hoạch 39.232 tấn (12.658 tấn cá lóc, 3.911 tấn tôm sú, 10.604 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 30,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.522 tấn, trong đó:

- Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 1,22 tỷ con tôm sú giống, diện tích 19.200 ha; 2,9 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 4.620 ha; 177 triệu con cua biển, diện tích 1.150 ha; thu hoạch 16.826 tấn (cao hơn cùng kỳ 5.550 tấn), trong đó nuôi tôm siêu thâm canh 80 ha. Tuy nhiên, do thời tiết diễn biến phức tạp nên tôm nuôi bị thiệt hại rải rác ở các xã nuôi trọng điểm của huyện Châu Thành, Cầu Ngang, thị xã Duyên Hải tôm chết ở giai đoạn 20-60 ngày tuổi và có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy,... làm thiệt hại 77,3 triệu con tôm sú giống (chiếm 6% lượng con giống thả nuôi chung), diện tích 340 ha (chiếm 1,6%); 514 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 17,5% lượng con giống thả nuôi), diện tích 857 ha (chiếm 17,8%). Nghêu nuôi năm 2016 đoạn sinh sản, độ tuổi 22-24 tháng (trọng lượng 45-60 con/kg) có 60 ha bị thiệt hại, tỷ lệ từ 30-50%, chiếm 7,4% diện tích thả nuôi; kết quả thu mẫu kiểm nghiệm do nhiễm ký sinh trùng và vi khuẩn; ngành đã khuyến cáo người nuôi thu hoạch và ngưng thả giống mới để hạn chế thiệt hại lây lan.

- Vùng nước ngọt: Thả nuôi 72 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 900 ha (cá lóc 54 triệu con, diện tích 100 ha; cá tra 2,5 triệu con, diện tích 10 ha); thu hoạch 22.406 tấn, đạt 31,4% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 4.028 tấn.

Toàn tỉnh có 1.190 tàu cá được đăng ký, giảm 26 tàu so với cùng kỳ; tổng công suất 136.471 CV, tăng 21.102 CV (299 tàu có công suất từ 90 CV trở lên, tăng 44 tàu). Sản lượng khai thác 35.840 tấn (5.914 tấn tôm), đạt 47,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 3.058 tấn, trong đó:

- Khai thác nội đồng: Sản lượng 4.669 tấn (1.587 tấn tôm), đạt 40,2% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 307 tấn.

- Khai thác hải sản: Sản lượng 31.171 tấn (4.327 tấn tôm), đạt 49,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 2.751 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 5.792 tấn (tôm sú 433 tấn, tôm thẻ 3.268 tấn), chế biến 3.199 tấn, tiêu thụ 2.789 tấn, kim ngạch xuất khẩu 23,3 triệu USD.

### **3. Phát triển nông thôn**

#### **a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Các địa phương tổ chức lồng ghép 932 cuộc tuyên truyền cho 30.756 lượt người; công nhận 1.787 hộ đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay công nhận 148.613 hộ (đạt 66,5% số hộ phát động) và 238 ấp (chiếm 34,9%) đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 30 xã đạt 19/19 tiêu chí; 02 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 31 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 22 xã dưới 10 tiêu chí.

Tham mưu phân bổ 222,1 tỷ đồng (vốn Trung ương 114,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 107,2 tỷ đồng) cho các địa phương triển khai thực hiện đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất.

**b) Chương trình giảm nghèo bền vững:** Đang xây dựng dự án nuôi bò sinh sản cho 27 hộ nghèo và cận nghèo, với tổng vốn đầu tư là 364 triệu đồng. Ngoài ra, còn được phân bổ 11,959 tỷ đồng cho các huyện, thị xã triển khai thực hiện các dự án nuôi bò (vỗ béo, sinh sản), nuôi dê, trồng màu và nuôi thủy sản.

**c) Chương trình bố trí dân cư:** Trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành (Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, thị trấn Tiểu Cần); trình điều chỉnh, bổ sung quy mô Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa; phối hợp UBND thị xã Duyên Hải, xã Trường Long Hòa lập danh sách các hộ có đơn tự nguyện xin bố trí ổn định dân cư.

**d) Kinh tế hợp tác:** Phát triển mới 05 HTX NN, nâng tổng số đến nay có 71 HTX với 4.480 thành viên, diện tích đất tham gia hợp tác là 2.385 ha, doanh thu bình quân đạt 1,1 tỷ đồng/HTX. Tổng hợp danh sách các HTX nông nghiệp kiểu mới tham gia mô hình thí điểm với Công ty Phân bón dầu khí Cà Mau; chuẩn bị báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Đề án thí điểm mô hình hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh; phối hợp các Sở, ngành rà soát đánh giá tình hình hoạt động của các HTX tham gia mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, thúc đẩy các HTX hoàn thành 8/8 tiêu chí; phối hợp xây dựng chính sách hỗ trợ cho các HTX nông nghiệp dưới 50 thành viên theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy.

**e) Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:** Mở rộng 76,92 km tuyến ống, lắp đặt cho 4.757 hộ sử dụng, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 110.608 hộ, lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 89,9% (sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 02/2009/BYT đạt 59,9%). Tổ chức mittinh hưởng ứng Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; rà soát, trình mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân xã Hiếu Trung, Tập Ngãi huyện Tiểu Cần; xã Tập Sơn huyện Trà Cú và xã Đức Mỹ huyện Càng Long

**4. Công tác xây dựng cơ bản:** Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 20 dự án (04 dự án hoàn thành, 14 dự án chuyển tiếp và 02 dự án khởi công mới), gồm: 05 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 10 công trình dê, kè; 05 công trình dân dụng; giải ngân 45,131 tỷ đồng, đạt 16% kế hoạch vốn phân bổ.

#### **5. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:**

Các địa phương tổ chức thực hiện được 345 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 253.196 m, khối lượng 843.397 m<sup>3</sup>, đạt 84,9% kế hoạch đăng ký ban đầu và đạt 88,7% so khối lượng được duyệt. Trong đó, huyện Duyên Hải, Trà Cú, và Thành phố Trà Vinh đã thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

Nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2018; nghiệm thu kỹ thuật kênh Tầm Phương, huyện Châu Thành; tiếp tục triển khai thi công công trình xử lý sục lún, hư hỏng mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, đạt 53% kế hoạch.

Tổ chức 90 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 06 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

Mưa giông làm sập 03 căn nhà, 18 căn tốc mái, 02 căn siêu vẹo, thiệt hại 4.500m<sup>2</sup> hoa màu và đổ ngã 116 cây dừa trên địa bàn 02 xã Lương Hòa và Song Lộc huyện Châu Thành. Ước tổng thiệt hại khoảng 328 triệu đồng, địa phương đã tổ chức động viên, thăm hỏi và hỗ trợ để khắc phục thiệt hại.

#### **6. Công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý tàu cá:**

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, hoạt động giết mổ, vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản đối với 441 cơ sở, phương tiện vận chuyển; thu 89 mẫu vật tư nông nghiệp, thức ăn, thuốc thú y, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường phân tích kiểm tra chất lượng, ra quyết định xử phạt 48 trường hợp vi phạm.

Ngoài ra, kết hợp đoàn kiểm tra liên ngành và Chi cục Quản lý thị trường kiểm tra 23 cơ sở kinh doanh phân bón, thức ăn và thuốc thú y thủy sản; thu 13 mẫu phân bón phân tích, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Kiểm tra an toàn kỹ thuật 289 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 66 tàu, đăng ký 99 tàu, cấp 112 sổ danh bạ (476 thuyền viên), cấp 246 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 28 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, 43 giấy chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu, khối lượng 455,4 tấn; ký 25 hợp đồng giám sát kỹ thuật đóng mới, cải hoán tàu cá. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão. Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 6.967 tàu, xe, bốc dỡ 9.935 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 568 triệu đồng.

#### **7. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP):**

*a) Bảo vệ thực vật:* Xây dựng 234 điểm điều tra dự báo trên cây lúa và 6 điểm dự báo trên cây có múi; tổ chức 19 cuộc ra quân vận động nông dân diệt chuột với 649 nông dân dự; phát hành 01 thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trừ bệnh bạc lá lúa; tổ chức thu mẫu rầy nâu phân tích virut lùn lúa cỏ và vàng lùn lùn xoắn lá lúa; kiểm tra tình hình sâu bệnh ngoài đồng, đặc biệt các đối tượng rầy nâu, đạo ôn lá, ốc bươu vàng, chuột,... gây hại trên lúa và một số loại cây ăn trái để xây dựng kế hoạch phòng trị. Nhân nuôi 238.000 ong ký sinh và 6.750 bộ đuôi kim phóng thích ra môi trường tự nhiên để khống chế bọ cánh cứng hại dừa. Thu gom 1.170 kg bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật mang tiêu hủy đúng nơi quy định. Tiếp nhận, cấp 04 thông báo hợp quy phân bón và 02 thông báo hợp quy giống lúa.

### **b) Công tác thú y:**

Tiêm phòng cúm 1,6 triệu con gia cầm, đạt 59,5% diện tiêm; LMLM 13.229 con gia súc, đạt 70% diện tiêm; đại chó, mèo 7.386 con, đạt 5,9% diện tiêm; tiêm phòng các bệnh thường xuyên cho 565.888 con gia súc; các loại vaccine khác 1,3 triệu con. Sử dụng 8.130 lít hóa chất thực hiện tháng hành động vệ sinh tiêu độc khử trùng cho gần 13 triệu m<sup>2</sup> chuồng trại của 255.424 lượt hộ chăn nuôi. Xây dựng bản đồ dịch tễ bệnh LMLM gia súc để chủ động phòng, chống.

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh 244.888 con gia súc, 1,2 triệu con gia cầm và 316 tấn sản phẩm động vật. Kiểm dịch 28 triệu con tôm sú giống, 767 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 45 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu 84 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (28 mẫu nhiễm đốm trắng).

Tiếp nhận 90 tấn Chlorine từ nguồn dự trữ quốc gia và phân bổ cho các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh; tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm, giám sát tình hình bệnh trên thủy sản và hướng dẫn người nuôi các biện pháp phòng trị.

### **c) Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP:**

Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp: Phối hợp tổ chức 33 lớp tập huấn kiến thức quản lý ATTP cho 1.647 lượt người, cấp phát 1.696 bộ tài liệu; sửa chữa, lắp đặt mới 20 pano tuyên truyền; thông tin trên Đài Truyền hình Trà Vinh 06 kỳ kết quả phân tích dư lượng chất độc hại trong nông sản để nhắc nhở cơ sở sản xuất và cảnh báo người tiêu dùng.

Kiểm tra, đánh giá 128 cơ sở, kinh doanh thực phẩm nông sản, có 80 cơ sở loại A, 48 cơ sở loại B; cấp 31 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; 55 giấy xác nhận kiến thức ATTP. Thu 256 mẫu (137 mẫu nông sản, 119 mẫu thủy sản) phân tích, kiểm nghiệm chất lượng, phát hiện 04 mẫu vi phạm (01 mẫu cá khô nhiễm Trichlofon, 01 mẫu chả lụa nhiễm Natri Benzoat, 01 mẫu dưa cải nhiễm vàng ô và 01 mẫu cà phê có hàm lượng caffein thấp hơn mức công bố).

## **8. Công tác phát khuyến nông và công tác giống**

### **a) Công tác khuyến nông:**

Triển khai thực hiện Đề tài xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn thích ứng biến đổi khí hậu, hiện tôm nuôi được 2 tháng tuổi phát triển bình thường, trọng lượng bình quân 50 con/kg; đã giao 80 con bò sinh sản cho 28 hộ tham gia thực hiện Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao và thẩm định hộ đăng ký thực hiện Dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao (quy mô 20 ha).

Tổ chức 147 lớp tập huấn cho 4.647 lượt nông dân dự (trồng trọt 59 lớp, 1.971 lượt người, chăn nuôi 16 lớp, 480 lượt người, thủy sản 72 lớp 2.196 lượt người); tư vấn trực tiếp cho 3.102 lượt hộ về cải tạo ao, xử lý nước, chọn và thả giống thủy sản, kỹ thuật nuôi tôm 2 giai đoạn, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng, kỹ thuật chăn nuôi an toàn; tổ chức hội thảo tổng kết đánh giá 12 mô hình (nuôi

cá thát lát cừm kết hợp cá tra; nuôi cua luân canh trong ao tôm sú, tôm thẻ; phục tráng và chọn giống đậu phộng,...); cấp phát 500 tờ tin khuyến nông, 33 ngàn tờ tài liệu bướm về kỹ thuật trồng đậu phộng, bắp lai, nuôi bò sinh sản, nuôi tôm thẻ chân trắng, nuôi tôm sú thâm canh. Tiếp tục theo dõi 16 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

**b) Công tác giống:**

Giống cây trồng: Khảo nghiệm 03 bộ giống lúa bộ A<sub>0</sub>, A<sub>1</sub>, A<sub>2</sub>, diện tích 0,4 ha; tổ chức sản xuất 15,3 ha (cấp nguyên chủng 10 ha), đã thu hoạch 8,9 ha, năng suất trung bình 5,7 tấn/ha. Cung ứng 59,2 tấn lúa giống (cấp nguyên chủng 5,9 tấn) và 2.168 cây giống các loại.

Giống thủy sản: Nghiệm thu kết thúc mô hình “Nuôi vồ thành thực và sinh sản tôm càng xanh cái giả đã qua chọn lọc”, số lượng 620 ngàn con post. Sản xuất 5,8 triệu con tôm sú giống, 995 ngàn con tôm thẻ chân trắng, 100 ngàn con tôm càng xanh toàn đực, 150 ngàn con cá lóc và 61,5 triệu con cá tra bột; kết hợp Trường Đại học Cần Thơ ương giống tôm càng xanh toàn đực bằng công nghệ biofloc, số lượng 40 ngàn con. Cung ứng, điều tiết 17,8 triệu con tôm giống các loại, 1,37 triệu con cua biển giống, 05 triệu con cá lóc giống và 6.370 kg cá giống các loại.

Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc đàn gà tàu vàng (dòng bố mẹ) thả vườn sinh sản được 9 tháng tuổi, tỷ lệ đẻ cao nhất đạt 56,6%.

**9. Tình hình thực hiện chính sách**

Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Hỗ trợ đầu tư 05 con heo giống, 586 công trình khí sinh học, 284 liều tinh, 10 bình nitơ, đào tạo 01 dẫn tinh viên. Nâng tổng số đã hỗ trợ mua 40 con heo, bò đực giống, xây dựng 5.736 công trình khí sinh học, 2.737 liều tinh, 60 bình nitơ, đào tạo 29 dẫn tinh viên, giải ngân 28,55 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch vốn phân bổ.

Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND: Có 01 dự án được phê duyệt đang hoàn chỉnh hồ sơ để được hỗ trợ đầu tư.

Quyết định 68/2013/QĐ-TTg: Giải quyết cho 12 hộ vay mua máy móc, thiết bị, dư nợ 03 tỷ đồng. Lũy kế đến nay giải quyết cho 477 hộ vay, tổng dư nợ 124 tỷ đồng.

Nghị quyết số 30/NQ-CP: Giải ngân 01 dự án công nghệ cao, số tiền 45 tỷ đồng.

Nghị định số 35/2015/NĐ-CP: Các địa phương được phân bổ 84,235 tỷ đồng, đang triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa, đã giải ngân 7,4 tỷ đồng.

Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: Các tổ chức tín dụng giải ngân phục vụ nông nghiệp phát triển nông thôn, dư nợ đạt 11.368 tỷ đồng (chiếm 52,4%/tổng dư nợ trên địa bàn tỉnh).

Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Công ty Lương thực Trà Vinh xin tạm dừng triển khai Phương án xây dựng cánh đồng lớn được UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 1449/UBND-NN ngày 27/4/2018. Đồng thời, đang hướng dẫn



07 HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiểu Cần xây dựng phương án sau khi được phê duyệt chủ trương đầu tư.

Quyết định 1956/QĐ-TTg: Xây dựng, trình phê duyệt dự án đào tạo nghề cho 272 lao động.

Quyết định số 2261/QĐ-TTg: Đưa 84 cán bộ trẻ về làm việc tại 42 HTX nông nghiệp và hỗ trợ 800 triệu đồng cho 40 HTX nông nghiệp thành lập mới.

Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ cho 03 HTX NN<sup>(6)</sup> đầu tư cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, các HTX không đủ kinh phí, tài sản để đối ứng thực hiện công trình theo quy định.

Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND: Đã giải ngân được 7,5/18,93 tỷ đồng để đầu trồng màu, trồng cây ăn trái,... các địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện nguồn vốn còn lại. Phối hợp Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí năm 2018 với số tiền gần 27,4 tỷ đồng để địa phương tiếp tục triển khai thực hiện.

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

### **1. Những kết quả đạt được**

Kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn và cụ thể hóa các Nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngành đạt cao hơn cùng kỳ (cả trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản). Cơ cấu giá trị sản xuất nội ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp từ 69,19% (6 tháng đầu năm 2017) xuống còn 66,97% (6 tháng đầu năm 2018), tăng dần tỷ trọng ngành thủy sản từ 28,07% lên 30,52%.

Phối hợp với các địa phương chỉ đạo xuống giống lúa, thả giống thủy sản theo lịch thời vụ khuyến cáo; năng suất, sản lượng lúa Đông Xuân đạt cao hơn cùng kỳ (cao hơn 92.362 tấn); diện tích nuôi thủy sản được mở rộng nhất là nuôi tôm nước lợ, sản lượng tăng 4.580 tấn (tôm tăng 5.640 tấn).

Công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới ngày càng sâu rộng; các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn các xã tiếp tục thực hiện từng bước làm thay đổi được diện mạo và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn.

Chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nên các loại bệnh nguy hiểm chỉ xảy ra cục bộ, nhỏ lẻ và kịp thời khống chế; chăn nuôi bò, gia cầm phát triển mạnh.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được tăng cường giúp cho người dân ứng dụng vào sản xuất. Một số địa phương chỉ đạo ra quân vớt lục bình, khơi thông dòng chảy trên các tuyến kênh chính.

Công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành được thực hiện thường xuyên góp phần hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, việc buôn bán vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng.

<sup>6</sup> Gồm: HTX NN Rạch Lợ (Tiểu Cần), HTX NN Nhị Trường (Cầu Ngang) và HTX NN Huyền Hội (Càng Long)

Đã đưa vào hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu tại Cảng cá Định An.

## **2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Các công trình thủy lợi nội đồng thực hiện còn chậm và chưa đạt kế hoạch, do các thủ tục triển khai thực hiện đúng theo quy định công trình xây dựng cơ bản nhưng địa phương chưa chủ động ngay từ đầu năm; khi triển khai thực hiện rơi vào thời điểm thu hoạch rộ lúa Đông Xuân nên rất khó thực hiện.

Xây dựng nông thôn mới chưa đạt kế hoạch, chất lượng các tiêu chí chưa được nâng lên (rớt tiêu chí), tỷ lệ hộ, ấp nông thôn mới còn thấp, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm.

Đàn heo giảm mạnh do giá thấp, người chăn nuôi bị thua lỗ kéo dài từ năm 2016 đến hết quý I/2018.

Diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác có hiệu quả cao hơn còn ít, chưa đạt kế hoạch, do nông dân còn nặng về cây lúa; đa phần sản phẩm màu không tồn trữ được lâu, chưa liên kết được đầu ra và giá cả bấp bênh. Bên cạnh đó, giá lúa ổn định ở mức cao nên không khuyến khích nông dân chuyển đổi.

Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp nông thôn hiệu quả chưa cao nên chưa tạo được động lực thúc đẩy nông nghiệp nông thôn phát triển.

Công tác tuyên truyền, vận động hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng vaccine còn nhiều hạn chế; một số nơi chưa quan tâm nhiều cho công tác vận động tiêm phòng; tỷ lệ tiêm phòng một số loại vaccine còn thấp. Còn bị động trong việc huy động lực lượng tham gia phòng, chống dịch bệnh, công tác kiểm tra và phát hiện dịch bệnh còn chậm.

Việc cơ giới hóa trong sản xuất mía chưa được thực hiện nên thiếu nhân công vào thời điểm thu hoạch rộ, dẫn đến tiến độ thu hoạch chậm và giảm năng suất.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo của một số Sở, ngành tỉnh, đơn vị trực thuộc và địa phương đôi lúc còn chưa chặt chẽ, thiếu kịp thời gây khó khăn cho việc tham mưu xây dựng kế hoạch và tổng hợp báo cáo của ngành.

## **Phần 2**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao và trên cơ sở kết quả đạt được 6 tháng đầu năm, ngành Nông nghiệp xác định một số chỉ tiêu còn lại và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong 6 tháng cuối năm như sau:

#### **II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

Trên cơ sở kết quả đạt được 6 tháng đầu năm, dự báo 6 tháng cuối năm còn nhiều khó khăn, nhưng theo ước tính ngành có khả năng phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

**1. Giá trị sản xuất:** 15.431 tỷ đồng, nâng tổng số cả năm đạt 26.500 tỷ đồng, vượt 1,92% kế hoạch, gồm:

- Nông nghiệp: 9.636 tỷ đồng, trong đó: Trồng trọt 7.272 tỷ đồng, chăn nuôi 1.364 tỷ đồng.

- Lâm nghiệp: 137 tỷ đồng.

- Thủy sản: 5.659 tỷ đồng, trong đó: Nuôi trồng 4.768 tỷ đồng, khai thác 870 tỷ đồng.

**2. Sản lượng cây trồng, vật nuôi chủ yếu:**

**a) Nông nghiệp:**

Trồng trọt:

- Sản lượng lúa (vụ Hè Thu và Thu Đông): 775.643 tấn.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 18.691 ha (màu lương thực 3.076 ha, màu thực phẩm 12.662 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 2.953 ha).

- Sản lượng cây ăn trái: 110.813 tấn

- Sản lượng cây dứa: 144.360 tấn

Chăn nuôi:

- Đàn trâu, bò tăng thêm 1.943 con.

- Đàn heo phần đầu tăng thêm 38.595 con.

- Đàn gia cầm ổn định tổng đàn 4,6 triệu con

**b) Lâm nghiệp:** Trồng mới 100 ha rừng tập trung và trồng 150.000 cây lâm nghiệp phân tán.

**c) Thủy - hải sản:** 122.627 tấn (34.781 tấn tôm các loại): Nuôi thủy sản 82.768 tấn (29.096 tấn tôm), khai thác 39.860 tấn (5.686 tấn tôm).

**d) Chỉ tiêu về môi trường**

- Nước hợp vệ sinh 1,1% (nước sạch 1,1%) lũy kế đến cuối năm nước hợp vệ sinh đạt 91% (nước sạch 61%).

- Tỷ lệ che phủ rừng 4,1% diện tích tự nhiên

**e) Xây dựng nông thôn mới:** Có ít nhất 08 xã đạt 19/19 tiêu chí, huyện Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

### **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành**

Tiếp tục tham mưu thực hiện tốt Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế hợp tác năm 2018 và những năm tiếp theo.

Trình UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết về quy định một số chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025 và xây dựng chương trình khuyến nông địa phương, chính sách và định mức kỹ

thuật về khuyến nông phù hợp với định hướng phát triển của ngành và điều kiện địa phương.

Đề xuất thay thế Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng đơn giá cây trái, hoa màu để làm cơ sở xác định giá bồi thường thiệt hại trong giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất.

Trình UBND tỉnh phê duyệt: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2018-2020; Dự án xử lý, cải thiện môi trường nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện Đề án mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực và Đề án phát triển ngành nghề nông thôn.

Tham mưu xây dựng 02 đề án: Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu và Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Hoàn chỉnh hồ sơ trình trung ương công nhận huyện Tiểu Cần đạt nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng kế hoạch ngành; kế hoạch phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn đảm bảo sản xuất lúa vụ Đông Xuân và Hè Thu năm 2019.

Hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thành Công ty Cổ phần.

## **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản**

### **a) Trồng trọt:**

Hướng dẫn nông dân chăm sóc, quản lý dịch hại trên lúa Hè Thu đặc biệt là các đối tượng như rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, đạo ôn, chuột... đảm bảo năng suất, sản lượng theo kế hoạch; chỉ đạo, hướng dẫn nông dân xuống giống vụ Thu Đông và vụ Mùa theo khung lịch thời vụ, đồng thời chuẩn bị tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2019; hỗ trợ các HTX xây dựng phương án cánh đồng lớn, đồng thời tiếp tục mời gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia xây dựng cánh đồng lớn trên các loại cây trồng.

Tiếp tục vận động nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có thị trường tiêu thụ và hiệu quả cao hơn theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh.

Tổ chức thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo chủ động phòng trừ có hiệu quả trên cây lúa và một số loại cây trồng chính như cây có múi, thanh long, cây dứa, các loại rau, màu,... không để dịch hại lây lan trên diện rộng nhằm đảm bảo năng suất, sản lượng.

Thực hiện 17 chuyên khám bệnh lưu động tại các địa phương để tư vấn, hướng dẫn nông dân phòng trị một số đối tượng gây hại trên cây lúa, cây ăn trái, rau màu và cây dứa. Tiếp tục nhân nuôi và thả ong ký sinh để kiểm soát bọ cánh

cứng hại dừa và sâu đục trái bưởi. Tiếp tục theo dõi các mô hình phòng trừ dịch hại tổng hợp và mô hình phòng chống hạn mặn.

**b) Chăn nuôi:** Chỉ đạo tập trung giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; phối hợp địa phương vận động hộ chăn nuôi ký cam kết tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi, vận động hộ nuôi chó, mèo đăng ký tiêm phòng, quản lý đàn chó nuôi và triển khai thực hiện bắt chó thả rông ở các đường phố, khu đô thị, nơi đông dân cư tại các huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 2 trước thời điểm giao mùa. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2018, đồng thời xây dựng kế hoạch hỗ trợ năm 2019 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**c) Lâm nghiệp:** Triển khai kế hoạch trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch; tổ chức nghiệm thu công trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2018; khảo sát thiết kế và xây dựng dự toán trồng rừng và phòng chống cháy rừng năm 2019; triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã. Thực hiện tổng điều tra, thống kê các cơ sở có hoạt động kinh doanh, chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh và khảo sát thống kê khả năng cung cấp lâm sản của tỉnh.

**d) Thủy sản:** Theo dõi, giám sát tình hình nuôi và thống kê sản lượng thu hoạch các đối tượng chủ lực. Đồng thời, tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách hỗ trợ người nuôi tại những vùng nuôi trọng điểm. Hướng dẫn nông dân cải tạo ao hồ tiếp tục thả nuôi sau khi thu hoạch, khuyến khích thả nuôi các đối tượng chủ lực có giá trị kinh tế theo quy trình an toàn dịch bệnh, không gây ô nhiễm môi trường. Quản lý chặt chẽ các khu nuôi tôm tự phát ngoài vùng quy hoạch, tránh lây lan dịch bệnh làm ảnh hưởng đến toàn vùng. Thường xuyên quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các điểm sông đầu nguồn, thông báo trên Đài Phát thanh - Truyền hình để người dân có kế hoạch quản lý ao nuôi; thực hiện quản lý, kiểm dịch giống thủy sản nhập tỉnh và sản xuất tại địa phương; tổ chức tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý tàu cá; khảo sát nguồn lợi thủy sản tại các vùng ven biển.

## 2. Phát triển nông thôn

**Nông thôn mới:** Kiểm tra, hỗ trợ 11 xã đăng ký, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, tháo gỡ khó khăn tại các xã; biên soạn các chuyên đề tập huấn về nông thôn mới và triển khai thực hiện; phối hợp đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện các phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới; kiểm tra, đôn đốc tình hình xây dựng nông thôn mới và tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, hỗ trợ phát triển sản xuất tại các địa phương.

Triển khai thực hiện các Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững.

Tất toán dự án đầu tư Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần; trình xin hỗ trợ nguồn vốn để thực hiện Dự án Di dân sạt lở áp Côn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành. Phối hợp địa phương triển khai kế hoạch hỗ trợ di dời 08 hộ dân xã Trường Long Hòa vào nơi ở mới an toàn.

Tổ chức 50 lớp tập huấn củng cố, thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã và lớp nâng cao nhận thức về hợp tác xã. Triển khai kế hoạch thực hiện nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hỗ trợ cho công tác xây dựng HTX kiểu mới; xây dựng dự án thực hiện 04 mô hình liên kết đối với các HTX tham gia thí điểm HTX kiểu mới.

Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; duy trì hoạt động 162 trạm cấp nước hiện có, tăng thêm 4.500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, phấn đấu đến cuối năm có trên 91% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, 61% số hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch.

### **3. Công tác chuyên ngành:**

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tổ chức 120 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; theo dõi các mô hình đang thực hiện, khẩn trương triển khai thực hiện các mô thuộc nguồn vốn sự nghiệp và Dự án “Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng. Tổ chức tổng kết, đánh giá làm cơ sở nhân rộng các mô hình có hiệu quả. Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện các phóng sự, chuyên mục, các tin thời sự về khuyến nông.

Tiếp tục triển khai thực hiện và nghiệm thu kết thúc các mô hình thực nghiệm, khảo nghiệm giống; tiếp tục sản xuất, cung ứng và điều tiết giống lúa, giống thủy sản và các loại thuần dưỡng giống một số đối tượng nước ngọt và lợ.

Về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Tổ chức tập huấn, tuyên truyền công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về ATTP nông, thủy sản; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản theo Nghị định số 15/2018 ND-CP; Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thông tin cảnh báo 06 kỳ kết quả phân tích, kiểm nghiệm dư lượng chất độc hại trong sản phẩm để nhắc nhở cơ sở sản xuất, kinh doanh và cảnh báo cho người tiêu dùng. Thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nghêu, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản.

Tổ chức 35 cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, quản lý giống; tổ chức thu mẫu sản phẩm, hàng hóa để phân tích chất lượng và kiểm tra đánh giá an toàn thực phẩm.

Tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp nhằm hạn chế tình trạng hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên địa bàn tỉnh. Quản lý việc chấp hành quy định của Pháp luật trong quảng cáo, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng.

Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương triển khai các biện pháp phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Thường xuyên kiểm tra đê điều, tham mưu xử lý kịp thời trong mùa mưa bão; theo dõi, đo mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất. Đôn đốc địa phương khẩn trương hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng; tập trung đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, đặc biệt là các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí, tổ chức giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ.

Các phòng, đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2018.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư và nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND; hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; hỗ trợ, phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg; hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND,...

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, phòng thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng kinh tế thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. / *Mul*

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Ngoc Hai*  
**Nguyễn Ngọc Hải**

## BÁO CÁO 6 THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

(Ước đến ngày 15/6/2018)

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	KH vụ/năm 2018	Ước TH 6 tháng năm 2018	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>Giá trị sản xuất (giá 2010)</b>						
	Giá trị ngành nông nghiệp	Tỷ đồng	10.171	26.000	11.069	108,83%	42,57%
<b>1</b>	<b>Giá trị SX nông nghiệp</b>	"	7.209	17.144	7.780	107,91%	45,38%
	- Trồng trọt	"	5.256	12.575	5.684	108,14%	45,20%
	- Chăn nuôi	"	1.433	3.002	1.546	107,95%	51,51%
	- Dịch vụ	"	521	1.567	550	105,56%	35,07%
<b>2</b>	<b>Giá trị lâm nghiệp</b>	"	170	305	163	96,32%	53,55%
<b>3</b>	<b>Giá trị sản xuất thủy sản</b>	"	2.793	8.551	3.126	111,96%	36,56%
	- Khai thác hải sản	"	624	1.193	661	106,01%	55,42%
	- Khai thác nội đồng	"	197	494	217	110,40%	43,96%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	1.963	6.829	2.233	113,80%	32,71%
	- Dịch vụ thủy sản	"	9	35	15	154,94%	41,49%
<b>B</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>						
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>						
	Tổng DT gieo trồng	Ha	171.291	272.050	181.024	105,68%	66,54%
	Cây lương thực có hạt	Ha	139.050	221.650	147.640	106,18%	66,61%
<b>1.1</b>	<b>Cây lúa</b>	Ha					
	- Diện tích gieo sạ	Ha	136.274	216.650	145.115	106,49%	66,98%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63.075	138.650	68.115	107,99%	49,13%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,37	83,16	66,51	113,93%	79,98%
	- Sản lượng	Tấn	368.203	1.153.000	453.010	123,03%	39,29%
	Trong đó:						
	<b>Vụ mùa</b>						
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.367	1.650	1.697	71,69%	102,85%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.367	1.650	1.697	71,69%	102,85%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	45,23	42,42	43,33	95,80%	102,13%
	- Sản lượng	tấn	10.705	7.000	7.353	68,69%	105,04%
	<b>Vụ Đông - Xuân</b>						
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000	66.418	110,85%	110,70%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59.915	60.000	66.418	110,85%	110,70%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,97	60,50	67,10	113,79%	110,91%
	- Sản lượng	tấn	353.296	363.000	445.658	126,14%	122,77%
	<b>Vụ Hè Thu</b>						
	- DT gieo sạ	Ha	73.992	77.000	77.000	104,07%	100,00%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	793	77.000			0,00%
	- Năng suất	Tạ/ha	52,99	51,04			0,00%
	- Sản lượng	tấn	4.202	393.000			0,00%
	<b>Vụ Thu Đông</b>						
	- Diện tích gieo sạ	Ha		78.000			0,00%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		78.000			0,00%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		50,00			0,00%
	- Sản lượng	tấn		390.000			0,00%
<b>1.2</b>	<b>Cây màu</b>						
<b>1.2.1</b>	<b>DT gieo trồng</b>	Ha	35.017	55.400	35.909	102,55%	64,82%
	<b>DT thu hoạch</b>	Ha	29.434	55.400	28.369	96,38%	51,21%



STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	KH vụ/năm 2018	Ước TH 6 tháng năm 2018	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	<b>Sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>863.890</b>	<b>1.421.700</b>	<b>818.044</b>		
	Màu lương thực					94,69%	57,54%
	DT gieo trồng	Ha	4.252	7.750	4.074	95,81%	52,57%
	DT thu hoạch	Ha	3.437	7.750	3.314	96,41%	42,76%
	Sản lượng	Tấn	30.193	66.100	29.742	98,51%	45,00%
	<b>Cây bắp</b>						
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.776	5.000	2.525	90,96%	50,50%
	- Diện tích thu hoạch	"	2.311	5.000	2.137	92,48%	42,75%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,03	54,0	54,8	97,77%	101,44%
	- Sản lượng	Tấn	12.949	27.000	11.709	90,43%	43,37%
	<b>Khoai lang</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	754	1.200	787	104,38%	65,58%
	+ Diện tích thu hoạch	"	593	1.200	615	103,81%	51,28%
	+ Năng suất	Tạ/ha	171,93	158,3	173,8	101,11%	109,79%
	+ Sản lượng	Tấn	10.191	19.000	10.697	104,96%	56,30%
	<b>Sắn</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	450	950	472	104,89%	49,68%
	+ Diện tích thu hoạch	"	332	950	330	99,56%	34,74%
	+ Năng suất	Tạ/ha	160,99	157,9	162,8	101,10%	103,08%
	+ Sản lượng	Tấn	5.337	15.000	5.372	100,65%	35,81%
1.2.2	<b>Cây có củ khác</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	272	600	290	106,62%	48,33%
	+ Diện tích thu hoạch	"	202	600	231	114,50%	38,52%
1.2.3	<b>Cây thực phẩm</b>						
	DT gieo trồng	Ha	16.965,3	30.750	18.088	106,62%	58,82%
	DT thu hoạch	Ha	13.596	30.750	13.879	102,08%	45,13%
	Sản lượng	Tấn	290.839	685.300	298.195	102,53%	43,51%
	<b>Rau các loại</b>						
	+ DT gieo trồng	Ha	16.497	30.000	17.664	107,07%	58,88%
	+ Diện tích thu hoạch	"	13.224	30.000	13.585	102,73%	45,28%
	+ Năng suất	Tạ/ha	219,41	228,0	219,1	99,85%	96,09%
	+ Sản lượng	Tấn	290.150	684.000	297.628	102,58%	43,51%
	<b>Đậu các loại</b>						
	+ DT gieo trồng	Ha	468,30	750	424	90,54%	56,53%
	+ Diện tích thu hoạch	"	372	750	294	78,99%	39,18%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,51	17,3	19,3	104,23%	111,33%
	+ Sản lượng	Tấn	689	1.300	567	82,33%	43,62%
1.2.4	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>						
	DT gieo trồng	Ha	13.799	16.900	13.747	99,62%	81,34%
	DT thu hoạch	Ha	12.401	16.900	11.176	90,12%	66,13%
	Sản lượng	Tấn	542.858	670.300	490.107	90,28%	73,12%
	<b>Đậu phộng</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.818	5.200	4.132	108,24%	79,46%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.471	5.200	3.525	101,55%	67,79%
	+ Năng suất	Tạ/ha	51,10	51,54	51,46	100,71%	99,84%
	+ Sản lượng	Tấn	17.737	26.800	18.139	102,27%	67,68%
	<b>Mía</b>						
	+ Diện tích trồng	Ha	5.175	5.600	4.913	94,94%	87,73%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.875	5.600	4.752	97,48%	84,86%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.050	1.100	965,0	91,90%	87,73%
	+ Sản lượng	Tấn	511.875	616.000	458.568	89,59%	74,44%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	KH vụ/năm 2018	Ước TH 6 tháng năm 2018	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	<b>Cây lác (cói)</b>						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.441	2.500	1.453	100,83%	58,12%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.165	2.500	1.169	100,37%	46,76%
	+ Năng suất	Tạ/ha	113,73	110,0	114,6	100,79%	104,21%
	+ Sản lượng	Tấn	13.246	27.500	13.400	101,16%	48,73%
	<b>Cây trồng khác</b>	Ha	3.366	3.600	3.249	96,52%	90,25%
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.366	3.600	3.249	96,52%	90,25%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.890	3.600	1.730	59,87%	48,06%
<b>II</b>	<b>Cây lâu năm</b>	<b>Ha</b>	<b>38.345</b>	<b>39.000</b>	<b>39.539</b>	<b>103,11%</b>	<b>101,38%</b>
	- Cây ăn quả						
	+ Diện tích	ha	17.682	21.000	17.924	101,37%	85,35%
	+ Sản lượng	tấn	131.796	260.000	135.427	102,75%	52,09%
	- Cây dứa						
	+ Diện tích	ha	20.663	18.000	21.615	104,61%	120,08%
	+ Sản lượng	tấn	117.899	243.000	124.286	105,42%	51,15%
<b>C</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>						
	- Tổng đàn trâu	con	764	700	634	82,98%	90,57%
	- Tổng đàn bò	con	199.610	210.000	208.023	104,21%	99,06%
	- Tổng đàn lợn	con	368.326	350.000	261.405	70,97%	74,69%
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.254	4.500	4.810	113,08%	106,89%
<b>D</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>						
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	20	300		0,00%	0,00%
	- Chăm sóc rừng	Ha		680	713		104,85%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5.164	5.519	5.160	99,92%	93,50%
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		50			0,00%
<b>E</b>	<b>THỦY SẢN</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	<b>Ha</b>	<b>25.843</b>	<b>52.000</b>	<b>27.095</b>	<b>104,85%</b>	<b>52,11%</b>
<b>1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	<b>"</b>	<b>923</b>	<b>3.500</b>	<b>900</b>	<b>97,52%</b>	<b>25,71%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	676,77	2.000	830	122,64%	41,50%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	14	50	10	70,18%	20,00%
	+ Cá lóc	"	194	270	100	51,50%	37,04%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	246	1.500	70	28,44%	4,67%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	246	1.500	70	28,44%	4,67%
	- Diện tích nuôi khác	"					
<b>1.2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	<b>Ha</b>	<b>24.920</b>	<b>48.500</b>	<b>26.195</b>	<b>105,12%</b>	<b>54,01%</b>
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	24.835	47.500	25.350	102,07%	53,37%
	Trong đó: + Tôm sú	"	19.188	22.000	19.200	100,06%	87,27%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.288	7.500	5.000	116,61%	66,67%
	+ Cua biển	"	1.359	18.000	1.150	84,62%	6,39%
	- Diện tích nuôi khác (ngheo, sò huyết)	"	85	1.000	845	994,12%	84,50%
<b>2</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	<b>Tấn</b>	<b>70.493</b>	<b>201.600</b>	<b>75.073</b>	<b>106,50%</b>	<b>37,24%</b>
<b>2.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	<b>Tấn</b>	<b>37.710</b>	<b>126.900</b>	<b>39.232</b>	<b>104,04%</b>	<b>30,92%</b>
<b>2.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	<b>Tấn</b>	<b>26.434</b>	<b>71.300</b>	<b>22.406</b>	<b>84,76%</b>	<b>31,43%</b>
	- Sản lượng cá	"	25.895	70.000	21.717	83,87%	31,02%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	5.412	23.500	3.480	64,30%	14,81%
	Cá lóc	"	13.862	30.000	12.658	91,32%	42,19%
	- Sản lượng tôm càng xanh	"	540	1.300	689	127,78%	53,03%
	- Sản lượng thủy sản khác	"					
<b>2.1.2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	<b>Tấn</b>	<b>11.276</b>	<b>55.600</b>	<b>16.826</b>	<b>149,22%</b>	<b>30,26%</b>
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	10.645	52.500	16.255	152,70%	30,96%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	KH vụ/năm 2018	Ước TH 6 tháng năm 2018	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: + Tôm sú	"	3.159	11.800	3.911	123,77%	33,14%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.715	33.500	10.604	185,54%	31,65%
	+ Nuôi cua biển	"	1.770	7.200	1.740	98,29%	24,17%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	631	3.100	571	90,52%	18,43%
<b>2.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	<b>Tấn</b>	<b>32.782</b>	<b>74.700</b>	<b>35.840</b>	<b>109,33%</b>	<b>47,98%</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khai thác biển</b>	<b>Tấn</b>	<b>28.420</b>	<b>63.100</b>	<b>31.171</b>	<b>109,68%</b>	<b>49,40%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	12.741	26.000	14.146	111,03%	54,41%
	- Tôm các loại	Tấn	3.662	8.100	4.327	118,17%	53,43%
	- Thủy sản khác	"	12.017	29.000	12.697	105,66%	43,78%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	<b>Tấn</b>	<b>4.362</b>	<b>11.600</b>	<b>4.669</b>	<b>107,04%</b>	<b>40,25%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.485	5.500	2.188	147,32%	39,77%
	- Tôm các loại	"	1.841	3.500	1.587	86,20%	45,34%
	- Thủy sản khác	"	1.036	2.600	895	86,33%	34,41%